

UBND TỈNH LONG AN
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Số: /SGDDĐT-KTQLCL
V/v ban hành cấu trúc Kỳ thi chọn học
sinh giỏi các môn văn hoá cấp tỉnh,
năm học 2024-2025

Long An, ngày tháng 10 năm 2024

Kính gửi:

- Trưởng phòng GD&ĐT các huyện, thị xã, thành phố;
- Hiệu trưởng các trường phổ thông trực thuộc Sở;
- Hiệu trưởng Trường TDTT tỉnh;
- Giám đốc Trung tâm GDTX&KTTH.

Căn cứ Hướng dẫn số 3616/HD-SGDĐT ngày 19/9/2024 về việc thực hiện nhiệm vụ Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục năm học 2024-2025, Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành cấu trúc Kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hoá cấp tỉnh năm học 2024-2025 (Phụ lục đính kèm).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng Sở, Thanh tra Sở;
- Lưu: VT, KTQLCL.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hồng Phúc

PHỤ LỤC

CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THCS CẤP TỈNH

(Kèm Công văn số: /SGDDĐT-KTQLCLCL ngày /10/2024 của Sở GD&ĐT)

Thời gian thi của mỗi môn là 150 phút.

I. MÔN TOÁN

Đề thi thang điểm 20, có thể phân bố như sau:

Câu 1: Đại số (4,0 điểm)

Biến đổi đại số về lũy thừa, căn thức, trị tuyệt đối.

Rút gọn, chứng minh đẳng thức, bất đẳng thức.

Tìm giá trị lớn nhất, nhỏ nhất của biểu thức.

Tìm x, y ... thoả điều kiện cho trước.

Câu 2: Đại số (5,0 điểm)

Giải phương trình, bất phương trình, hệ phương trình.

Giải toán bằng cách lập phương trình, hệ phương trình.

Câu 3: Hình học (5,0 điểm)

Tính chất hình học.

Đẳng thức hình học về tam giác, tứ giác, đường tròn.

Câu 4: Hình học (2,0 điểm)

Bất đẳng thức hình học.

Giá trị lớn nhất, nhỏ nhất hình học.

Đại lượng không đổi.

Câu 5: Một số yếu tố Thống kê và Xác suất (2,0 điểm)

Câu 6: Tổng hợp (2,0 điểm)

Các dạng bài toán về Số học hoặc Đại số hoặc Hình học.

II. MÔN NGỮ VĂN

Đề thi thang điểm 20, gồm 02 nội dung như sau:

1. Đọc hiểu (6,0 điểm)

Kiến thức toàn cấp học (ngữ liệu ngoài sách giáo khoa).

2. Viết (14,0 điểm)

- Viết đoạn văn (4,0 điểm).

- Viết bài văn nghị luận văn học hoặc nghị luận xã hội (10,0 điểm).

III. MÔN TIẾNG ANH

1. NỘI DUNG

Đề thi gồm 4 phần, thang điểm 20, độ khó của các câu hỏi tương đương trình độ B1

– B2.

Các điểm ngữ pháp bao gồm:

Articles

Verb forms/ tenses

Relative clauses and their reduced forms

Adverbial clauses

Noun clauses

Comparisons

Conditional sentences

Reported speech

Passive voice

Gerund - Infinitive

Participle phrases

Inversions

Modal verbs

Phrasal verbs

Prepositions

Collocations

2. CẤU TRÚC

PART I: LISTENING (4,0 ĐIỂM)

Gồm 2 dạng bài tập:

a) Nghe đoạn văn chọn câu trả lời đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho các câu hỏi (5 câu) (2,0 điểm)

b) Nghe đoạn văn để điền từ đúng vào chỗ trống (5 chỗ trống) (2,0 điểm)

PART II: USE OF ENGLISH (6,0 ĐIỂM)

Gồm 3 dạng bài tập:

a) Chọn 1 trong 4 từ hoặc ngữ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong câu cho hợp lý (dạng multiple choice question). (10 câu) (2,0 điểm)

- 3 câu kiểm tra về thì, dạng của động từ

- 3 câu kiểm tra giới từ, cụm động từ

- 4 câu kiểm tra các điểm ngữ pháp khác

b) Sử dụng các hình thức đúng của từ đã cho (form of the word) (10 câu) (2,0 điểm)

c) Đọc đoạn văn, điền một từ phù hợp nhất vào chỗ trống (10 chỗ trống) (2,0 điểm)

PART III: READING COMPREHENSION (5,0 ĐIỂM)

Gồm 3 dạng bài tập:

a) Đọc một bài văn và sau đó chọn 1 trong những trích đoạn được trình bày biệt lập với bài văn để điền vào những chỗ trống trong bài văn cho hợp lý (dạng matching). (05 chỗ trống) (1,0 điểm)

b) Đọc một bài văn và chọn 1 trong 4 từ hoặc ngữ được cho sẵn để điền vào chỗ trống trong bài văn cho hợp lý (dạng cloze test). (10 chỗ trống) (2,0 điểm)

c) Đọc đoạn văn chọn câu trả lời đúng nhất (A, B, C hoặc D) cho các câu hỏi bên dưới (05 câu) (2,0 điểm)

PART IV: WRITING (5,0 ĐIỂM)

Gồm 2 dạng bài tập:

a) Viết lại câu theo yêu cầu gợi ý (10 câu) (2,0 điểm)

- Từ câu 1 đến câu 5, hoàn thành câu thứ hai sao sử dụng từ gợi ý, sử dụng từ 2 từ đến 5 từ.

- Từ câu 6 đến câu 10, hoàn thành câu thứ hai sao cho không thay đổi nghĩa (không giới hạn số từ).

b) Viết theo chủ đề (3,0 điểm)

Viết một đoạn văn về một vấn đề được nêu ra (khoảng 120 đến 150 từ)

IV. MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Đề thi thang điểm 20, có thể phân bố như sau:

PHÂN MÔN HÓA HỌC (7,0 điểm) gồm các nội dung sau:

Chủ đề 1 (1,5 đ): Nguyên tử - Nguyên tố hóa học – Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học.

Chủ đề 2 (2,0 đ): Acid – Base – pH – Oxide – Muối.

Chủ đề 3 (1,5 đ): Kim loại. Sự khác nhau cơ bản giữa phi kim và kim loại.

Chủ đề 4 (1,0 đ): Hợp chất hữu cơ. Hidrocarbon – Nhiên liệu.
 Bài tập tổng hợp (1,0 đ).

PHÂN MÔN VẬT LÝ (7,0 điểm) gồm các nội dung sau:

Chủ đề 1 (2,0 đ): Tốc độ (Tốc độ chuyển động của một hoặc nhiều vật).

Chủ đề 2 (2,0 đ): Ánh sáng.

+ Thấu kính hội tụ.

+ Thấu kính phân kì.

Chủ đề 3 (3,0 đ): Điện.

+ Mạch điện gồm nhiều điện trở mắc hỗn hợp.

+ Mạch cầu điện trở.

PHÂN MÔN SINH HỌC (6,0 điểm) gồm các nội dung Phân Vật Sóng sau:

Chủ đề 1 (2,0 đ): Sinh thái.

+ Quần thể sinh vật

+ Quần xã sinh vật

+ Hệ sinh thái

Chủ đề 2 (4,0 đ): Di truyền.

+ Các quy luật di truyền Phương pháp nghiên cứu di truyền của Mendel: Lai 1 cặp tính trạng, lai 2 cặp tính trạng, khái niệm di truyền, biến dị.

+ Nucleic acid và ứng dụng: phiên mã, dịch mã, tái bản DNA.

+ Đột biến gen, đột biến nhiễm sắc thể.

+ Nhiễm sắc thể: Cấu trúc nhiễm sắc thể, đặc trưng nhiễm sắc thể; Khái niệm nhiễm sắc thể; Bộ nhiễm sắc thể lưỡng bội, đơn bội; Nguyên phân, giảm phân.

V. MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ

Đề thi gồm 8 câu, thang điểm 20, có thể phân bố như sau:

PHÂN MÔN LỊCH SỬ (10,0 điểm)

1. Lịch sử thế giới (4,0 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm) *Thế giới từ năm 1918 đến năm 1945*

– Nước Nga và Liên Xô từ năm 1918 đến năm 1945

– Châu Âu và nước Mỹ từ năm 1918 đến năm 1945

– Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)

Câu 2: (2,0 điểm) *Thế giới từ năm 1945 đến năm 1991*

– Chiến tranh lạnh (1947 – 1989)

– Nước Mỹ và các nước Tây Âu từ năm 1945 đến năm 1991

– Mỹ Latinh từ năm 1945 đến năm 1991

– Châu Á từ năm 1945 đến năm 1991

2. Lịch sử Việt Nam (6,0 điểm)

Câu 3: (3,0 điểm) *Việt Nam từ thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX*

– Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX

– Việt Nam nửa sau thế kỉ XIX

– Việt Nam đầu thế kỉ XX

Câu 4: (3,0 điểm) *Việt Nam từ năm 1918 đến năm 1946*

– Phong trào dân tộc dân chủ những năm 1918 – 1930

– Hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam

– Phong trào cách mạng Việt Nam thời kì 1930 – 1939

– Cách mạng tháng Tám năm 1945

– Việt Nam trong năm đầu sau Cách mạng tháng Tám

PHÂN MÔN ĐỊA LÍ (10,0 điểm)**Câu 5:** (3,0 điểm)

Trái Đất – Hành tinh của Hệ Mặt Trời. (Địa lí 6)

Câu 6: (3,0 điểm)

Đặc điểm khí hậu và thủy văn Việt Nam (Địa lí 8)

Câu 7: (1,5 điểm)

Địa lí dân cư Việt Nam (Địa lí 9)

Câu 8: (2,5 điểm)

Vùng Đồng bằng sông Hồng; vùng Đông Nam Bộ (Địa lí 9)

*Lưu ý: Không yêu cầu học sinh vẽ biểu đồ.***VI. MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN***Đề thi thang điểm 20, có thể phân bố như sau:***1. Nội dung của lớp 6 (4,0 điểm)**

- Yêu thương con người
- Siêng năng, kiên trì
- Tôn trọng sự thật
- Tự nhận thức bản thân
- Ứng phó với các tình huống nguy hiểm
- Quyền trẻ em

2. Nội dung của lớp 7 (4,0 điểm)

- Tự hào về truyền thống quê hương
- Bảo tồn di sản văn hoá
- Quan tâm, cảm thông và chia sẻ
- Học tập tự giác, tích cực
- Giữ chữ tín
- Quản lí tiền
- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

3. Nội dung của lớp 8 (6,0 điểm)

- Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc
- Bảo vệ lẽ phải
- Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên
- Phòng, chống bạo lực gia đình
- Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân

4. Nội dung của lớp 9 (6,0 điểm)

- Sống có lý tưởng
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
- Bảo vệ hòa bình
- Quản lý thời gian hiệu quả
- Thích ứng với thay đổi

VII. MÔN TIN HỌC*Đề thi gồm 3 câu, thang điểm 20, có thể phân bố như sau:***Câu 1:** Xử lý số, xử lý chuỗi, qui luật (7,0 điểm).**Câu 2:** Xử lý số, xử lý chuỗi, qui luật (7,0 điểm).**Câu 3:** Bài toán tổng hợp về qui luật, tìm kiếm, đệ qui, quy hoạch động với dữ liệu vào từ file văn bản về số, chuỗi, mảng (6,0 điểm).**Lưu ý:** Chấm bài thi môn Tin học theo Test, nên cần ghi rõ các phương án làm Test đáp án.

CẤU TRÚC ĐỀ THI CHỌN HỌC SINH GIỎI THPT CẤP TỈNH VÒNG 1

(Kèm Công văn số: /SGDDT-KTQLCL ngày /10/2024 của Sở GD&ĐT)

Thời gian thi của mỗi môn là 180 phút.

I. MÔN TOÁN

Đề thi gồm 5 câu trên thang điểm 20.

Câu 1 (5 điểm): Đại số

- Phương trình đại số, hệ phương trình đại số: chứa căn bậc 2, căn bậc 3...
- Lượng giác: công thức lượng giác, phương trình lượng giác...

Câu 2 (5 điểm): Hình học

- Hệ thức lượng trong tam giác
- Hình học tổng hợp trong mặt phẳng, vector, phép biến hình phẳng...
- Phương pháp tọa độ trong mặt phẳng.

Câu 3 (4 điểm): Giải tích

- Tính chất dãy số, giới hạn dãy số.

Câu 4 (3 điểm): Tổ hợp và xác suất

- Quy tắc đếm.
- Hoán vị-chỉnh hợp-tổ hợp.
- Nhị thức Newton và ứng dụng.
- Các bài toán tính xác suất.

Câu 5 (3 điểm): Bài toán thực tiễn (tính đến thời điểm thi)

Ghi chú: các câu của đề thi không sử dụng đạo hàm trong giải toán.

II. MÔN VẬT LÝ

Đề thi gồm 7 câu và được phân bố như sau:

- Câu 1 (3 điểm): Động học, động lực học, chuyển động tròn, biến dạng của vật rắn.
- Câu 2 (2 điểm): Động học, động lực học, chuyển động tròn, biến dạng của vật rắn.
- Câu 3 (3 điểm): Công, năng lượng, công suất, động lượng.
- Câu 4 (3 điểm): Dao động.
- Câu 5 (3 điểm): Sóng.
- Câu 6 (3 điểm): Trường điện (Điện trường). Dòng điện không đổi.
- Câu 7 (3 điểm): Phương án thực hành.

III. MÔN HÓA HỌC

Đề thi có 6 câu, gồm các nội dung:

Câu 1 (4 điểm): Nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học, cấu tạo chất, phản ứng oxi hóa-khử

- Thành phần nguyên tử, đồng vị.
- Cấu hình electron nguyên tử, orbital nguyên tử.
- Phản ứng hạt nhân.
- Bảng tuần hoàn, xu hướng biến đổi tính chất của nguyên tử, thành phần, tính chất các hợp chất tương ứng.
- Liên kết hóa học: liên kết ion, liên kết cộng hóa trị, liên kết hydrogen, tương tác Van der Waals, thuyết lai hóa, mô hình VSEPR.
- Phản ứng oxi hóa – khử.

Câu 2 (4 điểm): Năng lượng hóa học, tốc độ phản ứng hóa học

- Biến thiên enthalpy của phản ứng dựa vào enthalpy tạo thành, enthalpy đốt cháy, năng lượng liên kết.

- Biến thiên entropy của phản ứng, năng lượng Gibbs, chiều phản ứng.

- Tốc độ trung bình của phản ứng.

- Biểu thức định luật tác dụng khối lượng.

- Hệ số nhiệt Van't Hoff.

- Năng lượng hoạt hóa, phương trình Arrhenius.

- Hóa học cháy nổ.

Câu 3 (3 điểm): Cân bằng hóa học và cân bằng trong dung dịch nước

- Chuyển dịch cân bằng hóa học.

- Hằng số cân bằng Kc.

- Cân bằng trong dung dịch nước.

- Tính pH của dung dịch acid mạnh, base mạnh, đơn acid yếu, đơn base yếu, dung dịch đệm đơn acid, base.

Câu 4 (3 điểm): Hóa vô cơ

- Halogen và hợp chất của halogen.

- Nitrogen và hợp chất của nitrogen.

- Sulfur và hợp chất của sulfur

- Phân bón hóa học.

Câu 5 (3 điểm): Đại cương hóa học hữu cơ

- Tinh chế và tách chất.

- Thành lập công thức phân tử, phổ MS.

- Cấu tạo của hợp chất hữu cơ, phổ IR.

- Đồng đẳng, đồng phân cấu tạo, đồng phân hình học.

Câu 6 (3 điểm): Hydrocarbon

- Alkane

- Hydrocarbon không no

- Hydrocarbon thơm

*Nội dung đề thi được **phát triển** trên yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của chương trình GDPT 2018 môn Hóa học.*

IV. MÔN SINH HỌC

Thang điểm 20, gồm các nội dung sau:

| TT | Nội dung | Số điểm |
|----|---|---------|
| 1 | Thành phần hóa học của tế bào | 1,5 |
| 2 | Cấu trúc tế bào | 1,5 |
| 3 | Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở tế bào | 1,5 |
| 4 | Chu kì tế bào, phân bào và công nghệ tế bào | 1,5 |
| 5 | Vi sinh vật và ứng dụng | 2,0 |
| 6 | Virus và ứng dụng | 2,0 |
| 7 | Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật | 4,0 |
| 8 | Cảm ứng ở sinh vật | 2,0 |
| 9 | Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật | 2,0 |
| 10 | Sinh sản ở sinh vật | 2,0 |

V. MÔN NGỮ VĂN

1. Phần Làm văn NLXH: (8,0 điểm)

- Nghị luận về một tư tưởng, đạo lý
- Nghị luận về một hiện tượng đời sống
- Nghị luận về một vấn đề xã hội đặt ra trong mẫu chuyện / tác phẩm văn học

2. Phần Làm văn NLVH: (12,0 điểm)

- Nghị luận về cảm thụ tác phẩm văn học
- Nghị luận ý kiến về lý luận văn học
- Nghị luận tổng hợp (so sánh văn học)

VI. MÔN LỊCH SỬ

Câu 1 (4,0 điểm): Một số nền văn minh thế giới cổ trung đại .

1. Văn minh Ai Cập cổ đại.
2. Văn minh Trung Hoa cổ-trung đại.
3. Văn minh Ấn Độ cổ-trung đại.
4. Văn minh Hy Lạp-La Mã cổ đại.
5. Văn minh Tây Âu thời Phục hưng.
6. Văn minh Đông Nam Á cổ-trung đại.

Câu 2 (4,0 điểm): Một số nền văn minh trên đất nước Việt Nam trước năm 1858.

1. Văn minh Văn Lang - Âu Lạc.
2. Văn minh Chăm-pa.
3. Văn minh Phù Nam.
4. Văn minh Đại Việt.

Câu 3 (4,0 điểm): Cách mạng tư sản và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

1. Một số vấn đề chung của cách mạng tư sản.
2. Sự xác lập và phát triển của chủ nghĩa tư bản.

Câu 4 (4,0 điểm): Chiến tranh bảo vệ tổ quốc và chiến tranh giải phóng dân tộc trong lịch sử Việt Nam (trước cách mạng tháng Tám năm 1945).

1. Chiến tranh bảo vệ tổ quốc (trước cách mạng tháng Tám năm 1945).
2. Một số cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng trong lịch sử Việt Nam (từ thế kỉ III TCN đến cuối thế kỉ XIX).

Câu 5 (4,0 điểm): Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858).

1. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ.
2. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV).
3. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX).

VII. MÔN ĐỊA LÍ

Câu 1 (3,0 điểm): Địa lí tự nhiên

- Các hệ quả chuyển động của Trái Đất.
- Tác động của nội lực và ngoại lực đến địa hình bề mặt Trái Đất.

Câu 2 (3,0 điểm): Địa lí tự nhiên

- Khí quyển.
- Thủy quyển.

Câu 3 (3,0 điểm): Địa lí tự nhiên

- Sinh quyển.
- Một số quy luật của lớp vỏ địa lí.

Câu 4 (2,0 điểm): Địa lí Kinh tế-Xã hội

- Địa lí dân cư.

Câu 5 (4,0 điểm): Địa lí Kinh tế-Xã hội

- Địa lí nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

- Địa lí công nghiệp.

Câu 6 (2,0 điểm): Địa lí Kinh tế-Xã hội

- Địa lí dịch vụ.

Câu 7 (3,0 điểm): Địa lí Kinh tế-Xã hội thế giới

- Khu vực Đông Nam Á.

VIII. MÔN TIẾNG ANH

| Skills | Task Types | Number of Questions | Points |
|----------------|--|---------------------|--------|
| Listening | Part 1. MCQs | 05 | 1.0 |
| | Part 2. True/False and/or short answer | 05 | 1.0 |
| | Part 3. Gap fill | 10 | 2.0 |
| Lexico&Grammar | Part 1. MCQs | 20 | 2.0 |
| | Part 2. Word formation | 10 | 1.0 |
| Reading | Part 1. Open cloze | 10 | 1.0 |
| | Part 2. Guided cloze | 10 | 1.0 |
| | Part 3. MCQs | 10 | 1.0 |
| | Part 4. Gapped text | 05 | 1.0 |
| | Part 5. T/F/NG; short answer; matching; gap fill | 10 | 2.0 |
| Writing | Part 1. Error correction | 10 | 2.0 |
| | Part 2. Sentence Transformation | 10 | 2.0 |
| | Part 3. Essay (about 250 words) | 01 | 3.0 |

IX. MÔN TIN HỌC

Câu 1: (7 điểm) Xử lý số, chuỗi, xử lý mảng, các phương pháp duyệt, quy hoạch động có mức độ cơ bản.

Câu 2: (7 điểm) Các bài toán đồ thị, hình học, quy hoạch động, quy luật (có độ khó trung bình).

Câu 3: (6 điểm) Các thuật giải phức tạp (có độ khó trung bình).